

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 146/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải; tổ chức, cá nhân có liên quan, tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền bao gồm tàu biển, tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, thủy phi cơ và các phương tiện thủy khác.
2. Báo hiệu hàng hải là thiết bị hoặc công trình, tàu thuyền được thiết lập và vận hành trên mặt nước hoặc trên đất liền để chỉ dẫn cho người đi biển và tổ chức, cá nhân liên quan định hướng, xác định vị trí của tàu thuyền.
3. Thông báo hàng hải là văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành, công bố để cung cấp thông tin, chỉ dẫn cho người đi biển và tổ chức, cá nhân liên quan nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.
4. Khu nước, vùng nước bao gồm vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão trong vùng nước cảng biển.
5. Luồng hàng hải công cộng là luồng cảng biển được đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác phục vụ hoạt động chung của cảng biển.
6. Luồng hàng hải chuyên dùng là luồng nhánh cảng biển và luồng hàng hải khác được đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác phục vụ hoạt động của cảng chuyên dùng.
7. Khu chuyển tải chuyên dùng là khu nước được đầu tư xây dựng và quản lý, khai thác phục vụ hoạt động của cảng chuyên dùng.

Chương II
BÁO HIỆU HÀNG HẢI**Mục 1**
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÁO HIỆU HÀNG HẢI**Điều 4. Quy hoạch phát triển hệ thống báo hiệu hàng hải**

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống báo hiệu hàng hải.
2. Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì, phối hợp với các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải và các tổ chức có liên quan xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống báo hiệu hàng hải, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và tổ chức quản lý việc thực hiện theo quy hoạch sau khi được phê duyệt.

Điều 5. Nguyên tắc đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải

1. Việc đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải phải phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, các quy định của Thông tư này, pháp luật về đầu tư, xây dựng. Các báo hiệu hàng hải phải được bố trí tại các vị trí cần thiết nhằm bảo đảm an toàn hàng hải.

2. Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải theo quy hoạch được phê duyệt.

Điều 6. Đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải

1. Căn cứ vào quy mô, tính chất và đặc điểm của dự án đầu tư báo hiệu hàng hải từ nguồn vốn nhà nước, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền cho Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định đầu tư.

2. Các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm thiết lập kịp thời báo hiệu hàng hải phục vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải, đồng thời báo cáo ngay cho Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ hàng hải tại khu vực.

3. Các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thiết lập báo hiệu hàng hải khi quản lý khai thác luồng hàng hải chuyên dùng hoặc sử dụng các vùng nước sau đây:

- a) Vùng khoan thăm dò địa chất, khai thác dầu mỏ, khí đốt;
- b) Vùng đánh bắt, nuôi trồng hải sản;
- c) Vùng công trình đang thi công, trục vớt cứu hộ;
- d) Vùng đặt đường cáp hoặc đường ống ngầm, công trình ngầm, thiết bị ngầm có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải;
- đ) Vùng diễn tập: quân sự, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ, ứng cứu khắc phục sự cố tràn dầu;
- e) Vùng đặt hệ thống thu thập dữ liệu hải dương;
- g) Vùng giải trí, du lịch và thể thao.

4. Các tổ chức, cá nhân khi xây dựng các công trình vượt qua luồng hàng hải có nghĩa vụ thiết lập báo hiệu hàng hải bảo đảm an toàn hàng hải.

5. Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này trước khi tiến hành thiết lập báo hiệu hàng hải phải được sự chấp thuận của Cục Hàng hải Việt Nam về vị trí, quy mô, loại báo hiệu hàng hải theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

6. Việc thiết lập báo hiệu hàng hải phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải.

Điều 7. Thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác tới Cục Hàng hải Việt Nam, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này;

b) Thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải.

2. Trình tự tiếp nhận và xử lý hồ sơ như sau:

a) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 2

QUẢN LÝ VẬN HÀNH BÁO HIỆU HÀNG HẢI

Điều 8. Trách nhiệm quản lý báo hiệu hàng hải

1. Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về báo hiệu hàng hải trong phạm vi cả nước.

2. Cảng vụ hàng hải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống báo hiệu hàng hải trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý.

3. Các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải trực tiếp quản lý, vận hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của báo hiệu hàng hải trong khu vực được giao.

4. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 6 của Thông tư này tổ chức quản lý, vận hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của báo hiệu hàng hải do tổ chức, cá nhân đó đầu tư xây dựng.

Điều 9. Trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành báo hiệu hàng hải

1. Lập kế hoạch định kỳ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp báo hiệu hàng hải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng báo hiệu hàng hải để các thông số kỹ thuật của báo hiệu luôn phù hợp với thông báo hàng hải đã công bố.

3. Khi báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch phải khẩn trương tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời.

4. Kịp thời lập hồ sơ xác định mức độ hư hỏng, mất hoặc sai lệch của báo hiệu hàng hải gửi về cơ quan chức năng để điều tra, xử lý khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Hàng quý, báo cáo bằng văn bản tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải về Cục Hàng hải Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

6. Khi có thay đổi về đặc tính của báo hiệu hàng hải so với thông báo hàng hải đã công bố, phải thông báo về tổ chức có thẩm quyền để công bố thông báo hàng hải kịp thời.

Điều 10. Bảo vệ báo hiệu hàng hải

1. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ báo hiệu hàng hải.
2. Tổ chức, cá nhân có hành vi phá hoại, lấy cắp hoặc làm hư hỏng báo hiệu hàng hải bị xử lý theo quy định của pháp luật.
3. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong bảo vệ báo hiệu hàng hải được khen thưởng theo quy định.

Chương III THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Điều 11. Nguyên tắc công bố thông báo hàng hải

1. Thông báo hàng hải phải được tổ chức có thẩm quyền công bố kịp thời tới các cơ quan, tổ chức liên quan.
2. Thông báo hàng hải đồng thời được truyền phát trên hệ thống đài thông tin duyên hải và trên phương tiện thông tin phù hợp khác.

Điều 12. Phân loại thông báo hàng hải

Căn cứ vào mục đích sử dụng, thông báo hàng hải được phân loại như sau:

1. Thông báo hàng hải về hoạt động của báo hiệu hàng hải:
 - a) Thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải: các báo hiệu hàng hải thị giác, vô tuyến điện, âm thanh sau khi được thiết lập phải được công bố thông báo hàng hải về vị trí, tác dụng, đặc tính hoạt động của báo hiệu đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này;
 - b) Thông báo hàng hải về thay đổi đặc tính hoạt động của báo hiệu hàng hải: khi báo hiệu hàng hải được thay đổi đặc tính hoạt động so với đặc tính đã được thông báo thì phải công bố thông báo hàng hải về các thay đổi đó theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này;